

Số: 340/2025/QĐ-TUETECH

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học
của Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - CÔNG NGHỆ THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1341/QĐ-TTg ngày 5/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Việt Bắc; Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Việt Bắc thành Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và Thông tư 06/2025/TT-BGD ngày 19/03/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng, ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-TUETECH-HĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với các khóa học tuyển sinh từ ngày 15 tháng 01 năm 2025;

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Trường các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: 1

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (chỉ đạo);
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu VT, ĐT



GS.TS Nguyễn Đăng Bình

**QUY CHẾ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - CÔNG NGHỆ THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số: 340/QĐ-TUETECH ngày 09 tháng 5 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về công tác tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên (sau đây gọi là Quy chế tuyển sinh). Quy chế này quy định những nguyên tắc, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy trình, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh đào tạo đại học cho các hình thức đào tạo.

2. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức tuyển sinh đại học chính quy, đại học vừa làm vừa học (VLVH); liên thông giữa trình độ trung cấp, cao đẳng với trình độ đại học; liên thông giữa trình độ đại học với trình độ đại học và đào tạo từ xa của Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là Trường hoặc Nhà trường).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phạm vi tuyển sinh là các chương trình, ngành, nhóm ngành, lĩnh vực và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định.

2. Dự tuyển là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào một chương trình đào tạo hoặc một ngành đào tạo của Trường, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung và đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển theo quy định của Trường.

3. Xét tuyển là quy trình xét tuyển để đưa ra điểm trúng tuyển cho từng ngành đào tạo nhằm xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào ngành đào tạo.

4. Xử lý nguyện vọng là quy trình xử lý trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

5. Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

6. Xét tuyển thẳng là việc công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng theo quy định của Quy chế này và đã đáp ứng yêu cầu về điều kiện dự tuyển nhưng không cần xét tới ngưỡng đầu vào.

7. Tiêu chí đánh giá là những yếu tố được dùng trong kỳ thi, kiểm tra, đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

8. Tiêu chí xét tuyển là những yếu tố được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh, chủ yếu dựa trên thành tích học tập hoặc kết quả thi, đánh giá thí sinh; thông thường được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét) trong đó có tính cả các điểm ưu tiên.

9. Điểm trúng tuyển là ngưỡng điểm mà những thí sinh đã đăng ký nguyện vọng vào ngành đào tạo đó có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển.

10. Điểm ưu tiên là số điểm chênh lệch giữa mức điểm trúng tuyển áp dụng cho nhóm thí sinh được ưu tiên so với mức điểm trúng tuyển bình thường; hay cũng chính là số điểm mà nhóm thí sinh được cộng vào điểm xét để áp dụng mức điểm trúng tuyển bình thường.

11. Quy đối tương đương là việc quy đổi ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc do cơ sở đào tạo quy định, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo tương ứng.

12. Kỳ thi tuyển sinh là kỳ thi được tổ chức gắn với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ duy nhất hoặc căn cứ chủ yếu phục vụ xét tuyển.

13. Cổng thông tin tuyển sinh (của Bộ Giáo dục và Đào tạo) là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT).

14. Mã trường trong tuyển sinh là một mã quy ước thống nhất toàn quốc dùng để định danh một cơ sở đào tạo, một phân hiệu hoặc một đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc cơ sở đào tạo có chỉ tiêu tuyển sinh riêng.

15. Mã xét tuyển là một mã quy ước thống nhất trong một cơ sở đào tạo, phân hiệu hoặc một đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc cơ sở đào tạo dùng để định danh một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo có chỉ tiêu tuyển sinh riêng thuộc một mã trường.

16. Cổng thông tin tuyển sinh của Trường là giao diện web của hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Trường dành cho tuyển sinh các hệ đào tạo.

Điều 3. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

1. Nhà trường tự chịu trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Nhà trường thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của ngành đào tạo.

3. Nhà trường phối hợp chặt chẽ dưới sự hỗ trợ, giám sát của Bộ GDĐT nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống; giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyển sinh của Trường và của toàn hệ thống.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

a) Về cung cấp thông tin: Mỗi thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho

việc tham gia tuyển sinh;

b) Về cơ hội dự tuyển: Không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực; hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

c) Về đánh giá năng lực: Thí sinh phải được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng học tập và triển vọng thành công, đáp ứng yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo;

d) Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh phải được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên trong số những chương trình, ngành đào tạo đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Về thực hiện cam kết: Nhà trường cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Bình đẳng giữa các cơ sở đào tạo

+ Về hợp tác: Trường bình đẳng hợp tác với các cơ sở đào tạo nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, đồng thời mang lại lợi ích tốt nhất cho thí sinh;

+ Về cạnh tranh: Trường cạnh tranh trung thực, công bằng và lành mạnh trong tuyển sinh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: Nhà trường có trách nhiệm công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp để xã hội và cơ quan quản lý Nhà nước cùng giám sát;

b) Về trách nhiệm giải trình: Nhà trường có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước và giải trình với xã hội qua hình thức phù hợp về những vấn đề lớn, gây bức xúc cho người dân.

Điều 5. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1, Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy chế này;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

3. Đối với một ngành đào tạo áp dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh, Nhà trường có thể quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh nhưng phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Quy chế này.

4. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển, trong khả năng cho phép Nhà trường xem xét cho theo học các ngành phù

hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh

1. Hàng năm Nhà trường công bố thông tin tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, áp dụng chung cho cả Trường hoặc áp dụng riêng cho một số chương trình, ngành và hình thức đào tạo. Một chương trình, ngành đào tạo có thể sử dụng đồng thời một số phương thức tuyển sinh.

2. Mỗi phương thức tuyển sinh phải quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển, trong đó:

a) Các tiêu chí chủ yếu dùng để đánh giá, xét tuyển phải dựa trên yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để theo học chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo;

b) Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt, thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30);

c) Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét, nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên) vượt quá mức điểm tối đa này.

3. Đối với phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập, kết quả thi theo từng môn (điểm tổng kết các môn học cấp THPT, điểm thi các môn tốt nghiệp THPT và các kết quả đánh giá khác):

a) Tổ hợp môn dùng để xét tuyển bao gồm ít nhất 3 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của chương trình đào tạo, trong đó phải có môn toán hoặc ngữ văn với trọng số tính điểm xét không dưới 25%; từ năm 2026 số môn chung của các tổ hợp phải đóng góp ít nhất 50% trọng số tính điểm xét;

b) Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ được dùng để miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông hiện hành, cơ sở đào tạo được quy đổi thành điểm môn ngoại ngữ để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển với trọng số tính điểm xét không vượt quá 50%;

c) Trường hợp sử dụng kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển thì phải dùng kết quả học tập cả năm lớp 12 của thí sinh với trọng số tính điểm xét không dưới 25%.

4. Đối với một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo có nhiều phương thức tuyển sinh hoặc tổ hợp xét tuyển:

a) Nhà trường xác định quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức tuyển sinh, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT; bảo đảm tuyển chọn được các thí sinh đáp ứng tốt nhất yêu cầu đầu vào của chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo;

b) Không quy định mã xét tuyển riêng, chỉ tiêu riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển, trừ việc quy định chỉ tiêu xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

5. Đối với phương thức xét tuyển đại học VLVH, Liên thông, Từ xa được quy định tại Điều 20 Quy chế này.

6. Nhà trường chịu trách nhiệm giải trình về căn cứ khoa học và thực tiễn trong xác

định phương thức tuyển sinh, phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ và quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển; trong đó phải dựa trên số liệu phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển các năm trước.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực (theo Phụ lục I của Quy chế này)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng Bộ GDĐT, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ; d) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (theo Phụ lục II của Quy chế này)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không

nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này.}$

Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do Nhà trường quy định.

2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp) vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

b) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

c) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

d) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

3. Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT (học bạ) của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng, có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh thuộc 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

d) Thí sinh là người nước ngoài, phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của

chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Nhà trường quy định hình thức ưu tiên xét tuyển khác (được ưu tiên xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp) đối với các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh quy định tại khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng);

b) Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

c) Thí sinh đoạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia dự tuyển vào các ngành thể dục thể thao phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

d) Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật dự tuyển vào các ngành nghệ thuật phù hợp; thời gian đoạt giải không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

đ) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các ngành phù hợp với nghề đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

5. Nhà trường quy định cụ thể và công bố thông tin tuyển sinh hằng năm về kế hoạch tuyển sinh, đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi tuyển sinh, ngành, chương trình đào tạo để xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

Điều 9. Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo

Căn cứ yêu cầu đảm bảo chất lượng, Nhà trường xác định và công bố ngưỡng điểm đầu vào cho các ngành và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển ít nhất 10 ngày, cụ thể như sau:

1. Đối với phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT, Nhà trường công bố ngưỡng điểm đầu vào theo quy định chung của Bộ GDĐT.

2. Đối với phương thức xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ) và các phương thức xét tuyển khác như: liên thông, đào tạo từ xa, ngưỡng đầu vào được Nhà trường quy định cụ thể tại thông tin tuyển sinh.

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

a) Đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;

b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 phải gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới Nhà trường. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả theo đúng quy định, nhưng không ít hơn 3 năm đối với người thuộc điểm a khoản 1 Điều này.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển

phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này có thời gian bảo lưu từ 3 năm trở lên, Nhà trường xem xét bố trí lớp học phù hợp.

Điều 11. Thông tin tuyển sinh

1. Hằng năm, Nhà trường xây dựng và công bố thông tin tuyển sinh để thực hiện trách nhiệm giải trình, cam kết đối với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Thông tin tuyển sinh phải bao gồm đầy đủ nội dung làm căn cứ để:

a) Thí sinh lựa chọn ngành, chương trình đào tạo, phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của Trường;

b) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của Trường trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

3. Nội dung chủ yếu của thông tin tuyển sinh bao gồm:

a) Thông tin giới thiệu về Nhà trường, các ngành và chương trình đào tạo, bao gồm cả thông tin về quyết định mở ngành, ngôn ngữ đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học) và tỷ lệ có việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp (theo Phụ lục III của Quy chế);

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu dịch vụ khác cho toàn bộ khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 là tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GDĐT ban hành), bao gồm cả quy định về đối tượng và điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh đối với các chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo; quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển; phương thức và tiêu chí phân ngành của cơ sở đào tạo đối với trường hợp xét tuyển theo nhóm ngành; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Các phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của Trường.

3. Nhà trường thông báo tuyển sinh kèm theo việc công bố thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo và qua các hình thức thích hợp khác trước khi mở đăng ký dự tuyển của đợt tuyển sinh đầu tiên ít nhất 30 ngày; trường hợp có điều chỉnh, bổ sung (nếu có), phải thực hiện trước ít nhất 15 ngày. Riêng đối với quy tắc quy đổi tương đương, thời gian công bố muộn nhất là cùng thời điểm công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

Chương II

XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Điều 12. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

1. Nhà trường căn cứ kế hoạch chung của Bộ GDĐT cho công tác xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy để phối hợp triển khai theo các quy trình như sau:

- a) Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT (gọi tắt là hệ thống trong phạm vi Chương này) và trên Cổng dịch vụ công quốc gia;
- b) Tổ chức xét tuyển theo các phương thức có trong thông tin tuyển sinh;
- c) Xử lý nguyện vọng trên hệ thống (theo chu trình lập kết hợp với quy trình xét tuyển tại Trường);
- d) Xác nhận nhập học trên hệ thống và nhập học theo thông báo của Trường.

2. Căn cứ kế hoạch của Bộ GDĐT, Nhà trường xây dựng kế hoạch xét tuyển thẳng, kế hoạch xét tuyển sớm đối với thí sinh đăng ký và kế hoạch xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có)

Điều 13. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

1. Căn cứ thông tin tuyển sinh đã công bố, Nhà trường thông báo và tổ chức xét tuyển thẳng cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này. Thí sinh đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

2. Nhà trường tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện; công bố và đưa danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung, hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống.

3. Thí sinh đã trúng tuyển vào cơ sở đào tạo theo kế hoạch xét tuyển thẳng thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT, để lựa chọn chương trình, ngành, nhóm ngành đã trúng tuyển thẳng tại một cơ sở đào tạo hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác.

4. Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận nhập học theo kế hoạch chung; cơ sở đào tạo không được yêu cầu thí sinh cam kết nhập học hoặc xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung.

Điều 14. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung

1. Bộ GDĐT hỗ trợ tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả các phương thức tuyển sinh của Trường. Thời gian đăng ký bắt đầu sau kỳ thi tốt nghiệp THPT và kết thúc sau khi có kết quả thi và xét tốt nghiệp THPT.

2. Thí sinh dự tuyển đợt 1 hệ đào tạo đại học chính quy (bao gồm cả những thí sinh đã dự tuyển theo kế hoạch xét tuyển sớm của Trường) thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống (qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

3. Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, nhiều trường khác nhau không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

4. Thí sinh thể hiện nguyện vọng của mình qua những lựa chọn trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung (theo hướng dẫn của Bộ GDĐT), gồm:

- a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất);
- b) Lựa chọn cơ sở đào tạo, đơn vị tuyển sinh (mã trường);

c) Lựa chọn chương trình, ngành hoặc nhóm ngành đào tạo (mã xét tuyển).

Điều 15. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

1. Nhà trường tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng, hoặc tự nguyện phối hợp theo nhóm để tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển chung. Bộ GDĐT hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên hệ thống.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung, Nhà trường tải thông tin, dữ liệu từ hệ thống, bao gồm:

- Dữ liệu đăng ký nguyện vọng,
- Kết quả học tập cấp THPT,
- Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT,
- Điểm xét tốt nghiệp THPT,
- Kết quả thi của các cơ sở đào tạo tổ chức thi trong năm tuyển sinh,
- Dữ liệu về ưu tiên theo khu vực và đối tượng của thí sinh dự tuyển, để phục vụ công tác xét tuyển.

3. Nguyên tắc xét tuyển:

a) Điểm trúng tuyển được xác định nhằm đảm bảo số lượng tuyển sinh theo từng ngành, chương trình đào tạo phù hợp với chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét tuyển và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc vào thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển phải bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, Nhà trường tải lên hệ thống danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh). Hệ thống xử lý nguyện vọng sẽ tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp hơn của các thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng, và trả lại danh sách theo nguyện vọng cao nhất.

5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, Nhà trường lập lại quy trình xét tuyển ở các chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, Nhà trường quyết định điểm trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên hệ thống danh sách chính thức thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, Nhà trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển chính thức.

6. Nhà trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo từng phương thức tuyển sinh; đồng thời tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển cá nhân trên trang thông tin điện tử của Trường (hoặc của nhóm cơ sở đào tạo phối hợp xét tuyển).

Điều 16. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

Nhà trường gửi giấy báo trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ

các thủ tục cần thiết khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

Thí sinh xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên hệ thống, trước khi thực hiện nhập học trực tiếp tại Trường.

Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học, và Nhà trường có quyền không tiếp nhận thí sinh đó;

b) Nếu do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện cấp quận/huyện trở lên, hoặc do thiên tai có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp quận/huyện trở lên, Nhà trường sẽ xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh nhập học sau;

c) Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ tuyển sinh hoặc của chính thí sinh gây ra, Nhà trường chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét minh chứng và quyết định tiếp nhận vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh.

Điều 17. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh và số lượng thí sinh đã trúng tuyển, xác nhận nhập học vào các ngành, chương trình đào tạo, Hội đồng tuyển sinh của Trường xem xét, quyết định việc tổ chức xét tuyển các đợt bổ sung. Nhà trường công bố kế hoạch xét tuyển, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển của các đợt bổ sung; điều kiện xét tuyển đối với các ngành, chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển không được thấp hơn điều kiện trúng tuyển của đợt trước.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học tại bất kỳ cơ sở đào tạo nào có thể đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của Nhà trường.

Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, Nhà trường công bố trên trang thông tin điện tử:

Điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có);

Danh sách trúng tuyển theo ngành, chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh;

Tổ chức tra cứu kết quả cá nhân cho thí sinh;

Gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn thí sinh nhập học.

Điều 18. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh:

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo hoặc phương thức tuyển sinh mà mình không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ, chính xác tất cả thông tin trong hồ sơ đăng ký dự tuyển, bao gồm:

Thông tin cá nhân,

Thông tin về khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có),

Nguyện vọng đăng ký,

Tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý cho Nhà trường sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết để phục vụ công tác xét tuyển;

d) Hoàn thành thanh toán lệ phí tuyển sinh (nếu có) trước thời hạn kết thúc thủ tục

đăng ký dự tuyển.

2. Trách nhiệm của Nhà trường:

a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và đảm bảo tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên hệ thống theo hướng dẫn của Bộ GDĐT;

b) Quy định hoặc thống nhất với các cơ sở đào tạo khác về:

Mức thu,

Phương thức thu,

Cách sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;

c) Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký vào ngành hoặc phương thức tuyển sinh không đủ điều kiện;

d) Bảo đảm quy trình xét tuyển minh bạch, chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết đã công bố trong thông tin tuyển sinh;

đ) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học; đảm bảo chỉ tiếp nhận những thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác xét tuyển theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương III

TUYỂN SINH ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC, LIÊN THÔNG, ĐÀO TẠO TỪ XA

Điều 19. Đối tượng, điều kiện và phương thức tuyển sinh

1. Đại học vừa làm vừa học

Đối tượng dự tuyển: được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

Phương thức tuyển sinh: xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ) và được quy định cụ thể trong thông tin tuyển sinh các hệ đào tạo năm 2025.

2. Liên thông giữa trình độ trung cấp, cao đẳng với trình độ đại học hệ chính quy/hệ VLVH

Đối tượng dự tuyển: được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và đáp ứng các điều kiện tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

Phương thức tuyển sinh: xét tuyển theo kết quả bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và được quy định cụ thể trong thông tin tuyển sinh các hệ đào tạo năm 2025.

3. Liên thông giữa trình độ đại học với trình độ đại học hệ chính quy/hệ VLVH

Đối tượng dự tuyển: được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), thí sinh đã tốt nghiệp một văn bằng đại học và đáp ứng các điều kiện tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

Phương thức tuyển sinh: xét tuyển theo kết quả xếp loại của bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất và được quy định cụ thể trong thông tin tuyển sinh các hệ đào tạo năm 2025.

4. Đào tạo từ xa

a) Đại học đào tạo từ xa

Đối tượng dự tuyển: được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

Phương thức tuyển sinh: xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ) và được quy định cụ thể trong thông tin tuyển sinh các hệ đào tạo năm 2025.

b) Liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ đại học đào tạo từ xa

Đối tượng dự tuyển: được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đáp ứng các điều kiện tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

Phương thức tuyển sinh: xét tuyển theo kết quả bằng tốt nghiệp trung cấp và được quy định cụ thể trong thông tin tuyển sinh các hệ đào tạo năm 2025.

c) Liên thông giữa trình độ cao đẳng với trình độ đại học đào tạo từ xa

Đối tượng dự tuyển: được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), thí sinh đã tốt nghiệp một văn bằng cao đẳng và đáp ứng các điều kiện tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

Phương thức tuyển sinh: xét tuyển theo kết quả bằng tốt nghiệp cao đẳng và được quy định cụ thể trong thông tin tuyển sinh các hệ đào tạo năm 2025.

d) Liên thông giữa trình độ đại học với trình độ đại học đào tạo từ xa

Đối tượng dự tuyển: được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), thí sinh đã tốt nghiệp một văn bằng đại học và đáp ứng các điều kiện tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

Phương thức tuyển sinh: xét tuyển theo kết quả bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất và được quy định cụ thể trong thông tin tuyển sinh các hệ đào tạo năm 2025.

Điều 20. Xây dựng kế hoạch, đăng ký tuyển sinh và xét tuyển

1. Căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh chung, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh cả năm và cho từng đợt tuyển sinh cho các hình thức đào tạo.

2. Căn cứ thông tin tuyển sinh các hệ đào tạo năm 2025 đã được công bố, Nhà trường thông báo và tổ chức cho thí sinh đăng ký xét tuyển, nộp hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trường.

3. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký/nộp hồ sơ xét tuyển, Nhà trường tổ chức xét tuyển theo nguyên tắc sau:

a) Điểm trúng tuyển được xác định để phù hợp với số lượng cần tuyển theo từng ngành, chương trình đào tạo, phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với một ngành đào tạo (hoặc chương trình đào tạo) theo phương thức và tổ hợp môn, tất cả thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo điểm xét tuyển, không phân biệt thứ tự ưu tiên nguyện vọng đăng ký;

c) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra cuối cùng, Nhà trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển các ngành, chương trình đào tạo.

4. Nhà trường công bố điểm trúng tuyển (và các điều kiện, tiêu chí phụ nếu có) vào các ngành, chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển cá nhân trên trang thông tin điện tử của Trường.

Điều 21. Thông báo kết quả và tổ chức nhập học

1. Nhà trường gửi giấy trúng tuyển cho những thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ các thủ tục cần thiết đối với thí sinh khi nhập học và phương thức nhập học của thí sinh.

2. Đối với thí sinh không xác nhận nhập học trong thời gian quy định:

a) Nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Nhà trường có quyền không tiếp nhận thí sinh đó;

b) Trường hợp do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện quận, huyện trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện trở lên thì Nhà trường xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau;

c) Nếu do sai sót, nhầm lẫn của cán bộ thực hiện công tác tuyển sinh hoặc cá nhân thí sinh gây ra, Nhà trường phối hợp với các cá nhân, tổ chức có liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học sau.

Điều 22. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường, không đăng ký nguyện vọng vào các ngành, chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ và đảm bảo tính chính xác của tất cả các thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký; đảm bảo tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để Nhà trường được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Hoàn thành, thanh toán lệ phí tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển.

2. Trách nhiệm của Nhà trường

a) Quy định (hoặc thỏa thuận với các cơ sở đào tạo khác) về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh;

b) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo mà không đủ điều kiện; chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến cơ sở đào tạo hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh;

c) Đảm bảo quy trình tuyển sinh chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện đúng cam kết theo thông tin tuyển sinh đã công bố;

d) Kiểm tra thông tin, hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, đảm bảo tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

đ) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác xét tuyển của Trường theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) theo từng hình thức đào tạo để điều hành công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.

2. Thành phần của HĐTS gồm có:

- a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;
 - b) Phó Chủ tịch: các Phó Hiệu trưởng hoặc Trưởng một số đơn vị chức năng;
 - c) Ủy viên, ủy viên thường trực: lãnh đạo một số phòng, trung tâm, khoa chuyên môn.
3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh:

a) Phê duyệt thông tin tuyển sinh; tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh theo từng hình thức đào tạo;

b) Tổ chức tuyển sinh theo đề án và quy chế tuyển sinh đã ban hành, tuân thủ các quy định của Quy chế này và pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với Bộ GDĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh của Trường.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS:

- a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Trường;
- b) Thành lập các ban giúp việc cho HĐTS để triển khai công tác tuyển sinh;
- c) Phó Chủ tịch HĐTS thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch HĐTS phân công, thay mặt Chủ tịch giải quyết công việc khi được ủy quyền.

Điều 24. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS

1. Thành phần Ban Thư ký HĐTS gồm có:

- a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS kiêm nhiệm;
- b) Các ủy viên: chuyên viên một số phòng, trung tâm, khoa và chuyên viên công nghệ thông tin.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký HĐTS:

- a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, thời gian, hình thức, địa điểm đăng ký xét tuyển trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;
- b) Tổ chức kiểm tra hồ sơ của thí sinh dự tuyển và trúng tuyển theo quy định;
- c) Cập nhật lên cổng thông tin tuyển sinh và hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT tất cả các thông tin tuyển sinh của Trường theo quy định để thực hiện xét tuyển trên hệ thống (đối với tuyển sinh đại học chính quy);
- d) Dự kiến phương án điểm trúng tuyển trình HĐTS quyết định;
- đ) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển và gửi giấy báo trúng tuyển cho thí sinh;
- e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

Điều 25. Trách nhiệm của Nhà trường

1. Tổ chức thanh tra, kiểm tra nội bộ, chủ động giải quyết các rủi ro trong thông tin tuyển sinh của Trường; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến công tác tuyển sinh theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.

2. Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học lên hệ thống. Chậm nhất ngày 31 tháng 12 hàng năm, cơ sở đào tạo phải hoàn thành cập nhật dữ liệu thực tuyển của tất cả các hình thức, bao gồm: thông tin thí sinh; thông tin xét tuyển của thí sinh; kết quả xét tuyển của thí sinh; thông tin về ngành tuyển sinh; thông tin về phương thức tuyển sinh đã thông báo trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

3. Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo

quy định của luật lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

- Hồ sơ pháp lý, hồ sơ đăng ký xét tuyển: đại học chính quy, đại học VLVH, liên thông giữa trình độ trung cấp, cao đẳng với trình độ đại học, liên thông giữa trình độ đại học với trình độ đại học lưu tại Bộ phận Tuyển sinh Phòng Đào tạo; hồ sơ nhập học lưu tại Phòng Công tác HSSV;

- Hồ sơ pháp lý, hồ sơ đăng ký xét tuyển, nhập học hệ đào tạo từ xa lưu tại Bộ phận Tuyển sinh Phòng Đào tạo và Phòng Công tác HSSV.

4. Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển (nếu có).

5. Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo đúng quy định.

Điều 26. Xử lý vi phạm

1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức xét tuyển, thi tuyển (nếu có) được xử lý theo quy định tại Quy chế Thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT.

2. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển, dự thi để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào Trường trong những năm tiếp theo hoặc xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là cán bộ, giảng viên, người lao động của Trường tùy theo mức độ sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 71 của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức.

Điều 27. Khen thưởng

Chủ tịch HĐTS khen thưởng hoặc đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng:

1. Những cá nhân, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

2. Những cá nhân, đơn vị có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh.

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế các quy chế, quy định có liên quan trước đây của Trường.

2. Phòng Đào tạo (Bộ phận tuyển sinh), Phòng Công tác HSSV trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

3. Hàng năm, Quy chế này được bổ sung, sửa đổi và cập nhật theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Đào tạo để tổng hợp, báo cáo trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

Phụ lục 1

(Kèm theo Quyết định số: 340/2025/QĐ-TUETECH ngày 09 tháng 5 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên)

Phân chia khu vực tuyển sinh

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục 2

(Kèm theo Quyết định số: 340 /QĐ-TUETECH ngày 09 tháng 05 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên)

Đối tượng chính sách ưu tiên

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm UT1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số, có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp từ 18 tháng trở lên tại Khu vực 1
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục từ 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp tỉnh trở lên và được cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ, được cử đi học, có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ, được cử đi học, có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học, đang hưởng trợ cấp hằng tháng.
<i>Nhóm UT2</i>	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ, được cử đi học, có thời gian phục vụ dưới 12 tháng tại Khu vực 1 và dưới 18 tháng tại các khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng, tính từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày đăng ký xét tuyển.

06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số, có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người khuyết tật nặng, có giấy xác nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế, từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên, được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc Huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên, dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp, đã công tác đủ 3 năm trở lên, dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.

PHU LUC III

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - CÔNG NGHỆ THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM ...

(Hình thức đào tạo: ...)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo:
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:
3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và phân hiệu nếu có):
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử (website):
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo tổ chức thi):
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:
(Chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức và trình độ đào tạo...)

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển
2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)
3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh:
 - Ngưỡng đầu vào
 - Điểm trúng tuyển
4. Chỉ tiêu tuyển sinh
(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh, lập một bảng theo mẫu dưới đây.)

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành ⁵	Tên ngành, nhóm ngành ⁶	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
----	--------------	---	-----------------------------------	------------------------------------	----------	------------------------	---------

1.						- Phương thức 1 (Tổ hợp...) - Phương thức 2... - Phương thức 3...	
2.							
3.							
...							

1. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển
- Điểm cộng
- Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (cơ sở đào tạo tuyển sinh theo nhóm ngành)
- Các thông tin khác...

2. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức; các điều kiện xét tuyển, thi tuyển.

3. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

4. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

5. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

(Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

6. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

^{5,6} Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm ... (Ví dụ: 2024 nếu tuyển sinh năm 2025)			Năm ... (Ví dụ: 2023 nếu tuyển sinh năm 2025)			Ghi chú
						Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.												
2.												
3.												

Cán bộ tuyển sinh

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

Ngày ... tháng ... năm ...

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)